TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 491/2024/DS-PT
Ngày: 25-9-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Diệp;

2. Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 449/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/QĐ-PT ngày 11-9-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972; cư trú tại: Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà T: Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố E, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, (theo Văn bản ủy quyền ngày 29-6-2023); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; cư trú tại: Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông B vắng mặt; bà T1 có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông B: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1963; cư trú tại: Khu phố E, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 06-9-2024); có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2023 của ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T và lời khai của người đại diện hợp pháp của ông H, bà T, ông Nguyễn Hoàng S trình bày: Năm 2018, Ngân hàng C, chi nhánh tỉnh T (viết Ngân hàng C) đưa ra bán đấu giá phần đất do bà Ngô Thị Diễm P đứng tên chủ sử dụng, với giá 644.062.000 đồng, do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (C1), địa chỉ: Số I, tỉnh lộ 6, ấp H, xã A, huyện T (nay là phường A, thị xã T), tỉnh Tây Ninh thực hiện bán đấu giá. Tại Hợp đồng mua bán số 124-1354/2018 ngày 23-11-2018, bà Nguyễn Thị Thanh T mua trúng tài sản đấu giá là diện tích đất 352,2 m^2 (gồm 100 m^2 đất ở; 252 m^2 đất CLN); tại thửa số 124, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, được Ủy ban nhân dân (viết UBND) huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết GCN QSDĐ) số vào sổ CH02916 ngày 16-12-2014; chỉnh lý biến động ngày 03-12-2018. Năm 2022, ông H, bà T kiểm tra thì phát hiện ông B, bà T1 đã lấn chiếm phần đất chiều ngang 1,50 m, chiều dài 30 m; diện tích 55,5 m^2; kết quả đo đạc thực tế 52,1 m^2.

Ông H, bà T khởi kiện yêu cầu ông B, bà T1 trả phần đất tranh chấp diện tích 52,1 m^2; có tứ cận: Đông giáp đường nhựa Hoàng Văn T2; Tây giáp đất ông B, bà T1; Nam giáp đất của ông B, bà T1; Bắc giáp đất ông H, bà T. Trên đất có hàng rào lưới B40, dài 34,69 m và 12 cây cau.

Bị đơn, ông Trần Văn B trình bày: Năm 2018, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Mang Văn T3 phần đất chiều ngang 05 m, chiều dài 37 m, diện tích 185 m^2, được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp GCN QSDĐ số vào sổ CS06276 ngày 16-8-2018 do ông và vợ là bà Nguyễn Thị T1 đứng tên. Cùng thời gian này, vợ chồng ông cũng sang nhượng của ông Huỳnh L phần đất chiều ngang 06 m giáp ranh với phần đất sang nhượng của ông T3, thành 11 m; đất sang nhượng của ông Huỳnh L chưa làm thủ tục sang tên. Ranh đất giáp với đất của ông H, bà T là đất vợ chồng ông sang nhượng của ông T3, ông đã xây hàng rào bằng lưới B40 và sử dụng đúng phần đất của mình, không lấn chiếm đất của

ông H, bà T chiều ngang 1,5 m như trình bày, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T buộc vợ chồng ông trả lại diện tích 52,1 m^2. Theo kết quả đo đạc thực tế đất của ông diện tích 118,8 m^2 thiếu so với GCN QSDĐ được cấp diện tích 185 m^2, cộng diện tích tranh chấp với diện tích của ông đo đạc thực tế vẫn chưa đủ 185 m^2 (52,1 m^2 + 118,8 m^2 = 170,9 m^2).

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Trần Văn B, không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DS-ST, ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1 về tranh chấp quyền sử dụng đất: diện tích 52,1 m^2, thuộc thửa số 75, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (kèm theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 24-6-2024, ông Nguyễn Tấn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 10-6-2024 của Tòa án nhân dân huyện TB; yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Trần Văn B và Nguyễn Thị T1 trả lại diện tích 52,1 m^2, tọa lạc tại Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H, bà T cho rằng, sau khi mua trúng đấu giá tai sản, ông H, bà T được Ngân hàng bàn giao tài sản; có đo đạc cụ thể; có cắm trụ ranh bằng bê tông giáp với đất ông B; có chính quyền địa phương chứng kiến việc giao nhận tài sản tại thực địa. Năm 2019, ông B xây hàng rào không thông báo cho ông H, bà T biết. Khi làm hàng rào thì lấn sang đất ông H, bà T; do đó ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông B, bà T1 trả lại diện tích tranh chấp 52,1 m^2.

Ông H1 là người đại diện cho ông B, không đồng ý với kháng cáo của ông H vì: Ông B, bà T1 nhận chuyển nhượng đất của ông Huỳnh L dài 06 m, của ông T3 dài 05 m, tổng cộng dài 11 m giáp với đường nhựa. Theo kết quả đo đạc, đất của ông B, bà T1 giảm diện tích so với GCN QSDĐ được cấp. Hơn nữa, khi ông H, bà T mua tài sản đấu giá, phía Ngân hàng có nói giao đất theo hiện trạng và có thể thiếu theo GCN QSDĐ được cấp; khi Ngân hàng giao đất không có sự chứng kiến của ông B, bà T1; không cắm mốc giới rõ ràng; người sang nhượng đất cho

bà P khai trước, sau không thống nhất; người làm chứng trình bày khi bà P nhận chuyển nhượng, người bán chưa giao đủ đất. Với những chứng cứ đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Khi Ngân hàng giao đất mua trúng đấu giá cho bà T có tiến hành đo đạc và cắm ranh bằng trụ bê tông phân định giữa hai thửa đất và có sự chứng kiến của địa phương. Theo kết quả đo đạc thể hiện, khi xây hàng rào ông B, bà T1 rào lấn qua thửa đất của ông H, bà T cạnh giáp đường nhựa dài 1,32 m, diện tích 22,9 m^2. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tấn H kháng cáo theo đúng trình tự và hợp pháp, trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại Đơn khởi kiện ngày 29-6-2023, ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1 trả lại phần đất tranh chấp chiều ngang 1,5 m, chiều dài 37 m, diện tích 55,5 m^2; theo kết quả đo đạc thì diện tích đất tranh chấp 52,1 m^2, tọa lạc tại Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T thấy rằng, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 30, theo Bản đồ HN-72, diện tích 352,2 m^2 của ông H, bà T có nguồn gốc mua trúng đấu giá ngày 23-11-2018, tại Chi nhánh Công ty TNHH Đ; diện tích đất này là của bà Ngô Thị Diễm P được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp GCN QSDĐ ngày 16-12-2014. Theo kết quả đo đạc ngày 26-4-2024 của Công ty TNHH MTV V, thể hiện: Thửa số 124, tờ bản đồ số 30, theo Bản đồ HN-72, (thửa mới số 76, tờ bản đồ mới số 6, theo ranh bản đồ địa chính năm 2019), chiều dài giáp đường H 09 m; mặt hậu, dài 7,06 m, chưa tính phần diện tích tranh chấp trước, sau dài 1,5 m. Phần đất ông B, bà T1 quản lý, sử dụng tại các thửa số 75, 77, tờ bản đồ số 30 (thửa mới số 74, 75, tờ bản đồ mới số 6, theo ranh bản đồ địa

chính năm 2019), chiều dài giáp đường H 9,36 m; mặt hậu, dài 9,5 m, chưa tính phần diện tích tranh chấp trước, sau dài 1,5 m. Diện tích đất tranh chấp thực tế 52,1 m^2, thuộc một phần thửa số 124, tờ bản đồ số 30, theo Bản đồ HN-72, diện tích 22,9 m^2 (thửa mới số 76, tờ bản đồ mới số 6), được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp GCN QSDĐ ngày 16-12-2014 và được VPĐKĐĐ – Chi nhánh T4 chỉnh lý biến động diện tích đất mua trúng đấu giá cho bà T, ông H đứng tên ngày 13-12-2018 và một phần thửa số 75, tờ bản đồ số 30, theo theo Bản đồ HN-72, diện tích 29,2 m^2 (thửa mới số 75, tờ bản đồ mới số 6), được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp GCN QSDĐ ngày 31-7-2006 cho ông Mang Văn T3 và bà Nguyễn Mỹ L1 đứng tên và được Sở TNMT tỉnh T cấp lại GCN QSDĐ ngày 16-8-2018 cho ông B, bà T1 đứng tên.

[4] Khi nhận chuyển nhượng đất, giữa ông B, bà T1 với ông T3, bà L1 không yêu cầu cơ quan chuyên môn đo đạc thực tế, mà chỉ căn cứ vào GCN QSDĐ của ông T3, bà L1 được cấp để làm thủ tục sang tên. Năm 2019, ông B, bà T1 cho rằng, đã nhận chuyển nhượng đất của ông Huỳnh L, bà Trần Thị H2 giáp đường nhựa Hoàng Văn T2 có chiều rộng 06 và đất ông T3, bà L1 chiều rộng 05 m và tự đo đủ 11 m để xây hàng rào kiên cố, mà không thông báo cho chủ sử dụng liền kề là ông H, bà T biết (BL41). Năm 2019, khi đo đạc, cơ quan chuyên môn căn cứ vào hàng rào cố định ông B, bà T1 xây dựng trước đó để xác định ranh đất giữa hai thửa số 75 và thửa số 76, tờ bản đồ số 6.

[5] Tại Trích lục bản đồ địa chính số 3720/TL-ĐC ngày 30-8-2018 của VPĐKĐĐ chi nhánh T4 về việc kê biên QSDĐ thửa số 124, tờ bản đồ số 30, diện tích 352,2 m^2 thể hiện: "Ngang trước 10,15 m; ngang sau 9,75 m; dài 37" (BL239). Tại biên bản giao tài sản mua trúng đấu giá giữa Ngân hàng C, chi nhánh tỉnh T và bà Nguyễn Thị Thanh T, có sự chứng kiến của cán bộ Địa chính thị trấn T ngày 24-11-2018, thể hiện: Bàn giao hiện trạng thực tế tài sản cho bên mua trúng đấu giá thửa đất số 124, tờ bản đồ số 30, diện tích 352,2 m^2, chiều ngang mặt tiền đường H, dài 10,15 m; ngang mặt hậu giáp thửa số 29, dài 9,15 m; chiều dài đất giáp thửa số 31, dài 37 m, giáp thửa số 75, dài 37 m…bà T cùng với Ngân hàng nhận thực tế tài sản tại thửa đất có xác định ranh bằng *"Cột mốc ranh đất là trụ bê tông phân định ranh cụ thể"* (BL237). Thế nhưng, khi ông B, bà T1 xây hàng rào không có sự chứng kiến của ông H, bà T và hiện tại cột mốc ranh bằng trụ bê tông giáp hai thửa đất không còn.

[6] Theo kết quả đo đạc, thửa đất của ông H, bà T và thửa đất của ông B, bà T1 đều giảm diện tích. Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 6 (theo GCN QSDĐ được cấp thửa số 124, tờ bản đồ số 30, theo bản đồ HN-72) của ông H, bà T bị ông B, bà T1 khi xây hàng rào, mặt hậu phía sau đúng theo ranh GCN QSDĐ được cấp, không bị bao chiếm; mặt tiền giáp đường nhựa Hoàng Văn T2 lấn sang cụ thể như sau: Đông giáp đường nhựa Hoàng Văn T2, dài 1,32 m; Tây giáp thửa số 73,

dài 0 m; Nam giáp thửa số 75, dài 34,79 m; Bắc giáp thửa số 76, dài 34,69 m, diện tích 22,9 m^2, thuộc một phần thửa số 124, tờ bản đồ số 30 (thửa mới số 76, tờ bản đồ mới số 6), được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp GCN QSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH02916 ngày 16-12-2014 cho bà Ngô Thị Diễm P đứng tên và được VPĐKĐĐ – chi nhánh T4 chỉnh lý biến động ngày 13-12-2018 cho ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T đứng tên.

[7] Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, buộc ông B, bà T1 trả lại cho ông H, bà T diện tích 22,9 m^2; sửa bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông H là có căn cứ, được chấp nhận.

[8] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng số tiền 34.200.000 đồng (trong đó chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở giai đoạn phúc thẩm số tiền 1.200.000 đồng). Do chấp nhận một phần kháng cáo, nên ông H, bà T phải chịu 17.100.000 đồng; ông B, bà T1 phải chịu 17.100.000 đồng. Ghi nhận ông H, bà T đã nộp và chi phí xong nên ông B, bà T1 có nghĩa vụ nộp lại số tiền 17.100.000 đồng để trả cho ông H, bà T.

[9] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; do chấp nhận một phần kháng cáo, nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DS-ST, ngày 10 tháng 6 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T về "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1.

Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1 trả lại cho ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T phần đất có hình tam giác, tiếp giáp như sau: Đông

giáp đường nhựa Hoàng Văn T2, dài 1,32 m; Tây giáp thửa số 73, dài 00 m; Nam giáp thửa số 75, dài 34,79 m; Bắc giáp thửa số 76, dài 34,69 m, diện tích 22,9 m^2, một phần thửa số 124, tờ bản đồ số 30, theo Bản đồ HN-72, (thửa mới số 76, tờ bản đồ mới số 6), được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02916 ngày 16-12-2014 cho bà Ngô Thị Diễm P đứng tên, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – chi nhánh T4 chỉnh lý biến động ngày 13-12-2018 cho ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T đứng tên và ông B, bà T1 có trách nhiệm đập bỏ, tháo dỡ, đào bứng, di chuyển một hàng rào có đặc điểm: Tường xây, tô dài 5,2 m, cao 1,3 m + 11 trụ bê tông + chân xây tường cao 0,6 m + rào bằng lưới B40 và 14 cây cau ra khỏi phần đất buộc trả cho ông H, bà T; đất tọa lạc tại Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (kèm theo sơ đồ đo đạc).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1 trả lại phần đất có tứ cận: Đông giáp đường nhựa Hoàng Văn T2, dài 0,18 m; Tây giáp thửa số 73, dài 1,5 m; Nam giáp thửa số 75, dài 34,84 m; Bắc giáp thửa số 76, dài 34,79 m, diện tích 29,2 m^2, một phần thửa số 75, tờ bản đồ số 30, theo Bản đồ HN-72, (thửa mới số 75, tờ bản đồ mới số 6), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS06276 ngày 16-8-2018 cho ông B, bà T1 đứng tên; đất tọa lạc tại Khu phố F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (kèm theo sơ đồ đo đạc).

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 17.100.000 đồng (mười bảy triệu, một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1. Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghì đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H, bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004700 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh; ông H, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Ông Nguyễn Tấn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông H và bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005096 ngày 24-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện TB;
- CCTHADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Vũ